



WRITING TASK 2 CHALLENGE 5

DẠNG BÀI: OPINION ESSAY

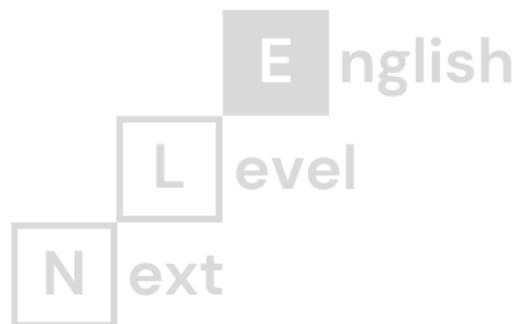
The older generations tend to have very traditional ideas about how people should live, think and behave. However, some people believe that these ideas are not helpful in preparing younger generations for modern life.

To what extent do you agree or disagree with this view?

BƯỚC 1: Đọc đề và thực hiện theo các bước sau:

1/ Tạo structure (dàn ý), có mấy đoạn, mỗi đoạn viết gì.

2/ Main ideas cho từng đoạn Body paragraph (topic sentence, explanation, examples).





Next Level English

Take your English to the next level with IELTS teachers 8.0+

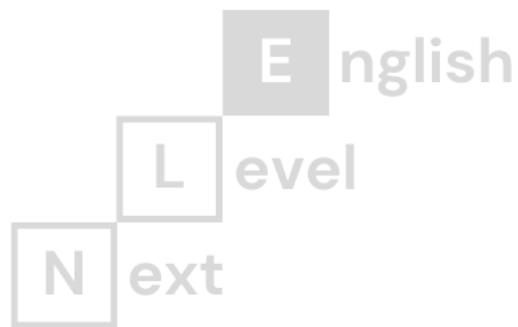
Website: nextlevelenglish.vn

Fanpage/YouTube: [Next Level English](#)

Group: [Học IELTS 8.0+ cùng Hanna](#)

Phone: 0869.354.255 (Zalo – Nuhao)

BƯỚC 2: Tự viết bài theo ý của bạn (min 250 từ), cố gắng canh thời gian ≤ 40 phút.





BƯỚC 3: Đọc bài mẫu và học từ vựng:

Sample essay (Simon_band 9.0)

It is true that many older people believe in traditional values that often seem incompatible with the needs of younger people. While I agree that some traditional ideas are outdated, I believe that others are still useful and should not be forgotten.

On the one hand, many of the ideas that elderly people have about life are becoming less relevant for younger people. In the past, for example, people were advised to learn a profession and find a secure job for life, but today's workers expect much more variety and diversity from their careers. At the same time, the 'rules' around relationships are being eroded as young adults make their own choices about who and when to marry. But perhaps the greatest disparity between the generations can be seen in their attitudes towards gender roles. The traditional roles of men and women, as breadwinners and housewives, are no longer accepted as necessary or appropriate by most younger people.

On the other hand, some traditional views and values are certainly applicable to the modern world. For example, older generations attach great importance to working hard, doing one's best, and taking pride in one's work, and these behaviors can surely benefit young people as they enter today's competitive job market. Other characteristics that are perhaps seen as traditional are politeness and good manners. In our globalized world, young adults can expect to come into contact with people from a huge variety of backgrounds, and it is more important than ever to treat others with respect. Finally, I believe that young people would lead happier lives if they had a more 'old-fashioned' sense of community and neighborliness.

In conclusion, although the views of older people may sometimes seem unhelpful in today's world, we should not dismiss all traditional ideas as irrelevant.

(298 words)

1/ Structure essay (dàn ý)

Paragraph 1 – Introduction

- Introduces the issue of traditional values held by older people versus the needs of younger generations.
- Presents a balanced position: some traditional ideas are outdated, while others remain valuable.

Paragraph 2 – Body Paragraph 1 (Traditional values becoming less relevant)

- Explains why certain traditional ideas are no longer suitable for younger people.
- Gives examples:
 - Lifelong careers and job security.

- Traditional expectations around marriage.
- Fixed gender roles.
- Highlights the generational gap in attitudes.

Paragraph 3 – Body Paragraph 2 (Traditional values that remain useful)

- Argues that some traditional values are still applicable in the modern world.
- Mentions key values:
 - Hard work and doing one's best.
 - Taking pride in one's work.
 - Politeness, good manners, and respect for others.
- Links these values to a globalised world and a competitive job market.

Paragraph 4 – Conclusion

- Reaffirms a balanced view.
- Concludes that traditional ideas should not be completely dismissed despite some being outdated.

2/ Dịch song ngữ:

English	Vietnamese
It is true that many older people believe in traditional values that often seem incompatible with the needs of younger people . While I agree that some traditional ideas are outdated , I believe that others are still useful and should not be forgotten .	Đúng là nhiều người lớn tuổi tin vào các giá trị truyền thống , những giá trị này thường có vẻ không tương thích với nhu cầu của thế hệ trẻ . Mặc dù tôi đồng ý rằng một số quan niệm truyền thống đã trở nên lỗi thời , tôi tin rằng những quan niệm khác vẫn hữu ích và không nên bị lãng quên .
On the one hand, many of the ideas that elderly people have about life are becoming less relevant for younger people. In the past, for example, people were advised to learn a profession and find a secure job for life , but today's workers expect much more variety and diversity from their careers.	Một mặt, nhiều quan điểm mà người cao tuổi có về cuộc sống đang trở nên kém phù hợp hơn đối với người trẻ. Chẳng hạn, trong quá khứ, mọi người thường được khuyên học một nghề và tìm một công việc ổn định suốt đời , nhưng người lao động ngày nay lại mong đợi sự đa dạng và phong phú hơn trong sự nghiệp của họ.
At the same time, the ' rules ' around relationships are being eroded as young adults make their own choices about who and when to marry. But perhaps the greatest disparity between the generations can be seen in their attitudes towards gender roles .	Đồng thời, những ' quy tắc ' xoay quanh các mối quan hệ đang dần bị xói mòn khi người trẻ tự đưa ra lựa chọn về việc kết hôn với ai và khi nào. Tuy nhiên, có lẽ sự khác biệt lớn nhất giữa các thế hệ có thể được thấy rõ qua thái độ của họ đối với vai trò giới .

English	Vietnamese
The traditional roles of men and women , as breadwinners and housewives , are no longer accepted as necessary or appropriate by most younger people.	Vai trò truyền thống của nam và nữ , với hình ảnh trụ cột gia đình và nội trợ , không còn được đa số người trẻ xem là cần thiết hay phù hợp nữa.
On the other hand, some traditional views and values are certainly applicable to the modern world . For example, older generations attach great importance to working hard, doing one's best, and taking pride in one's work, and these behaviors can surely benefit young people as they enter today's competitive job market .	Mặt khác, một số quan điểm và giá trị truyền thống chắc chắn vẫn có thể áp dụng trong thế giới hiện đại . Ví dụ, các thế hệ lớn tuổi đề cao tinh thần làm việc chăm chỉ, nỗ lực hết mình và tự hào về công việc của bản thân, và những phẩm chất này chắc chắn có thể mang lại lợi ích cho người trẻ khi họ bước vào thị trường lao động đầy cạnh tranh ngày nay.
Other characteristics that are perhaps seen as traditional are politeness and good manners . In our globalized world , young adults can expect to come into contact with people from a huge variety of backgrounds , and it is more important than ever to treat others with respect .	Những đặc điểm khác thường được coi là truyền thống bao gồm sự lịch sự và cách cư xử đúng mực . Trong thế giới toàn cầu hóa , người trẻ có thể sẽ tiếp xúc với những người đến từ vô số nền tảng khác nhau , và việc đối xử với người khác bằng sự tôn trọng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết .
Finally, I believe that young people would lead happier lives if they had a more ' old-fashioned ' sense of community and neighborliness .	Cuối cùng, tôi tin rằng người trẻ sẽ có cuộc sống hạnh phúc hơn nếu họ có một ý thức cộng đồng và tình làng nghĩa xóm mang tính ' truyền thống ' hơn.
In conclusion, although the views of older people may sometimes seem unhelpful in today's world, we should not dismiss all traditional ideas as irrelevant .	Tóm lại, mặc dù quan điểm của người lớn tuổi đôi khi có thể trông không còn hữu ích trong thế giới ngày nay, chúng ta không nên bác bỏ toàn bộ các ý tưởng truyền thống như là không còn liên quan .

3/ Vocab and Grammar:

3.1/ Vocabulary:

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
traditional values	n phr	các giá trị truyền thống	conventional values; long-held beliefs	modern values
incompatible with	adj phr	không tương thích với	inconsistent with; at odds with	compatible with
outdated	adj	lỗi thời	obsolete; old-fashioned	up-to-date
less relevant	adj phr	kém phù hợp hơn	less applicable; less appropriate	relevant
secure job for life	n phr	công việc ổn định suốt đời	lifelong employment	unstable work

Từ / Cụm / Cấu trúc	Loại	Nghĩa tiếng Việt	Synonym	Antonym
variety and diversity	n phr	sự đa dạng và phong phú	range and diversity; variety	uniformity
rules are being eroded	v phr	các quy tắc đang bị xói mòn	gradually weakened	reinforced
disparity between generations	n phr	sự khác biệt giữa các thế hệ	generational gap	similarity
attitudes towards gender roles	n phr	thái độ đối với vai trò giới	views on gender roles	gender equality
breadwinners and housewives	n phr	trụ cột gia đình và nội trợ	traditional family roles	shared roles
no longer accepted as	v phr	không còn được chấp nhận là	rejected as; dismissed as	accepted as
applicable to the modern world	adj phr	có thể áp dụng trong thế giới hiện đại	relevant today	outdated
attach great importance to	v phr	coi trọng	place emphasis on; value highly	disregard
competitive job market	n phr	thị trường lao động cạnh tranh	tight job market	easy job market
politeness and good manners	n phr	sự lịch sự và cách cư xử đúng mực	courtesy; etiquette	rudeness
globalized world	n phr	thế giới toàn cầu hóa	interconnected world	isolated world
treat others with respect	v phr	đối xử với người khác bằng sự tôn trọng	show respect to	disrespect
sense of community	n phr	ý thức cộng đồng	community spirit	individualism
dismiss ideas as irrelevant	v phr	bác bỏ ý tưởng là không liên quan	disregard as unimportant	consider relevant

3.2/ Ngữ pháp và cấu trúc hay:

Tên cấu trúc	Cấu trúc	Cách dùng	Ví dụ trong bài
1. Câu mở bài nêu thực trạng xã hội	It is true that + S + V	Dùng cho Introduction; dẫn vào vấn đề xã hội một cách trung lập, học thuật	It is true that many older people believe in traditional values...
2. Cấu trúc nhượng bộ + nêu quan điểm	While I agree that + clause, I believe that + clause	Thừa nhận một phần quan điểm đối lập rồi khẳng định lập trường	While I agree that some traditional ideas are outdated, I believe that others are still useful...
3. Cấu trúc chia luận điểm đối lập	On the one hand, ... / On the other hand, ...	Trình bày hai mặt của vấn đề; rất hiệu quả cho body paragraphs	On the one hand, many of the ideas... / On the other

Tên cấu trúc	Cấu trúc	Cách dùng	Ví dụ trong bài
			hand, some traditional views...
4. Cấu trúc mô tả mức độ phù hợp	become less relevant for + noun	Dùng khi nói một quan điểm / giá trị không còn phù hợp	...are becoming less relevant for younger people.
5. Câu bị động mô tả lời khuyên / chuẩn mực	S were advised to + V	Dùng để nói về quan niệm trong quá khứ; giọng học thuật	People were advised to learn a profession and find a secure job for life.
6. Cấu trúc so sánh theo thời gian	In the past, ... but today's + noun + V	So sánh quá khứ – hiện tại; rất hay cho bài social change	In the past, people were advised..., but today's workers expect...
7. Cấu trúc mô tả sự thay đổi xã hội	be eroded as + S + V	Diễn tả chuẩn mực / quy tắc dần mất đi	The 'rules' around relationships are being eroded as young adults make their own choices...
8. Cấu trúc nhấn mạnh sự khác biệt	the greatest disparity between A and B can be seen in + noun	Nhấn mạnh điểm khác biệt nổi bật nhất	The greatest disparity between the generations can be seen in their attitudes...
9. Cấu trúc bị động đánh giá	be no longer accepted as + adj	Dùng để nói một quan niệm không còn được chấp nhận	...are no longer accepted as necessary or appropriate...
10. Cấu trúc đánh giá tính ứng dụng	be applicable to + noun	Dùng khi nói điều gì đó vẫn còn giá trị trong hiện tại	Some traditional views and values are applicable to the modern world.
11. Cấu trúc nhấn mạnh giá trị	attach great importance to + noun / V-ing	Diễn đạt điều được coi trọng; academic	Older generations attach great importance to working hard...
12. Cấu trúc hệ quả tích cực	can benefit + noun	Dùng khi nói về tác động tích cực	...these behaviors can surely benefit young people...
13. Cấu trúc nhấn mạnh tính thời đại	more important than ever to + V	Dùng để nhấn mạnh tầm quan trọng trong bối cảnh hiện đại	It is more important than ever to treat others with respect.
14. Cấu trúc giả định tích cực	S would + V if + S + V (past)	Giả định mang tính đánh giá / khuyến nghị	Young people would lead happier lives if they had a more old-fashioned sense of community...
15. Cấu trúc kết luận cân bằng	In conclusion, although + clause, we should not + V	Conclusion dạng balanced; giữ giọng văn học thuật	In conclusion, although the views of older people may sometimes seem unhelpful..., we should not dismiss...



BƯỚC 4: Sau khi đã học từ bài mẫu, nếu được enhance bài viết của bạn, bạn sẽ viết lại thế nào?

